

Số: 821 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã được Đại hội đại biểu lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2020. [LuatVietnam](#)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, TCPCP, PTG, NTQN.



Vũ Chiến Thắng



CHIẾN LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

CHIẾN LỆ KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM

*Sau đây kèm theo Quyết định số 821 /QĐ-BNV
ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Hội Kiến trúc sư Việt Nam (viết tắt: KTSVN);

b) Tên tiếng Anh: Viet Nam Association of Architects (viết tắt: VAA).

2. Biểu tượng của Hội: được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.



- Hình vuông (a x a). Nền xanh lá cây, nét trắng.

- Dòng chữ KTSVN là viết tắt của Kiến trúc sư Việt Nam màu đen ngay dưới và cách logo 1/8 a với chiều cao chữ bằng 1/4 a.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Kiến trúc sư Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của kiến trúc sư cả nước nhằm tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và động viên kiến trúc sư phát huy trí tuệ, tài năng để xây dựng và phát triển nền kiến trúc Việt Nam mang tính hiện đại, tính dân tộc, góp phần xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đóng góp thiết thực vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và sự nghiệp phát triển nền kiến trúc thế giới.

2. Hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu (dấu ướt, dấu ướt thu nhỏ, dấu nổi) và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở Hội đặt tại 40 Tầng Bạt Hồ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Kiến trúc sư Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực kiến trúc và có quan hệ hợp tác, trao đổi nghề nghiệp với các tổ chức đồng nghiệp trên thế giới theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong lĩnh vực kiến trúc xây dựng và các bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của hội viên;
3. Tự chủ về tài chính;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 6. Mối quan hệ

1. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp Kiến trúc sư quốc tế (UIA) và Hội đồng Kiến trúc sư châu Á (ARCASIA).

2. Hội có mối quan hệ hợp tác với các cơ quan có liên quan đến kiến trúc và hoạt động của Hội, với các hội nghề nghiệp.

3. Hội có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các cá nhân kiến trúc sư và các tổ chức nghề nghiệp tiên bộ trên thế giới và khu vực trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi theo quy định của luật pháp Việt Nam và theo thông lệ quốc tế.

Điều 7. Ngày Truyền thống

Ngày 27/4 hàng năm được Nhà nước công nhận là Ngày Kiến trúc Việt Nam, đồng thời là ngày thành lập Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 8. Quyền hạn

1. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, xây dựng các cơ chế chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực hoạt động của Hội. Tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội khi được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội và quy định của pháp luật. Luật Việt Nam

4. Tư vấn phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề tài, dự án và hoạt động quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị - nông thôn, dự án đầu tư phát triển, bảo tồn di sản kiến trúc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, phù hợp với chức năng chuyên môn của Hội theo quy định của Luật Kiến trúc và pháp luật có liên quan.

5. Xây dựng và ban hành:

a) Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về kiến trúc;

b) Chương trình, tài liệu phục vụ sát hạch, bộ câu hỏi sát hạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng;

c) Bảng phương pháp tính điểm phát triển nghề nghiệp liên tục chi tiết đối với các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề theo quy định của pháp luật về kiến trúc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

6. Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục, đào tạo bồi dưỡng kỹ năng hành nghề cho kiến trúc sư; tổ chức thực hiện sát hạch và tham gia cấp chứng chỉ hành nghề cho kiến trúc sư theo quy định của Luật Kiến trúc và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

7. Được thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân và đơn vị thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ của Hội.

8. Quản lý các đơn vị, tổ chức thuộc Hội, các tổ chức cơ sở Hội và hội viên trong cả nước.

9. Khen thưởng và kỷ luật đối với các đơn vị, tổ chức thuộc Hội; hội viên và người làm việc tại Hội; biểu dương các tập thể, cá nhân trong nước và nước ngoài có đóng góp vào sự nghiệp phát triển nền kiến trúc Việt Nam theo quy chế của Hội và quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Quyết định những vấn đề về tài chính, tài sản của Hội theo quy định của pháp luật.

11. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao và được nhận tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. LuatVietnam

Điều 9. Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

2. Tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội được phê duyệt. Hoạt động của Hội được thực hiện trên nguyên tắc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội, không được làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Chăm lo công tác nghiên cứu, lý luận phê bình và sáng tác kiến trúc cho hội viên, làm cơ sở phát triển nền kiến trúc Việt Nam mang tính hiện đại, tính dân tộc.

4. Xây dựng đội ngũ hội viên là kiến trúc sư, phát hiện, phát triển bồi dưỡng nhân tài. Nâng cao năng lực sáng tạo và kỹ năng nghề nghiệp của kiến trúc sư trẻ.

5. Thực hiện tư vấn phản biện và giám định xã hội. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức, kinh nghiệm và thành tựu về kiến trúc - xây dựng của Việt Nam và thế giới cho kiến trúc sư và xã hội, thực hiện tư vấn tự nguyện cho cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức thẩm mỹ về kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc và sự phát triển của đất nước.

7. Xây dựng và kiện toàn tổ chức Hội để hoạt động hiệu quả và có tác động tích cực đến sự nghiệp kiến trúc - xây dựng.

8. Theo dõi, giám sát, phản ánh việc thực hiện Quy tắc ứng xử nghề nghiệp cho kiến trúc sư hành nghề.

9. Tham gia các hoạt động quốc tế, khu vực ASEAN và Châu Á - Thái Bình Dương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền, nhằm tuyên

truyền giới thiệu kiến trúc Việt Nam, mở rộng hợp tác nghề nghiệp, trao đổi thông tin, kinh nghiệm chuyên môn với đồng nghiệp quốc tế.

10. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội.

11. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

12. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

13. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

14. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

15. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên danh dự và hội viên liên kết

1. Hội viên chính thức, gồm: hội viên tổ chức; hội viên cá nhân

a) Hội viên tổ chức: Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hội tỉnh, thành phố) thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập là thành viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam, được Hội chấp thuận.

b) Hội viên cá nhân: các kiến trúc sư là công dân Việt Nam đều có thể được kết nạp là hội viên chính thức của Hội nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Có 05 năm làm nghề hoặc 03 năm có thành tích xuất sắc trong sáng tác và đóng góp vào sự nghiệp kiến trúc;

- Có thành tích tốt trong sáng tác, đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý xây dựng;

- Tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội;

- Được tổ chức cơ sở của Hội hoặc Hội viên tổ chức của Hội chấp thuận và đề nghị.

2. Hội viên danh dự:

Công dân Việt Nam có uy tín trong các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội, có đóng góp cho sự nghiệp kiến trúc Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, có thể được Ban Chấp hành Hội kết nạp làm hội viên danh dự.

3. Hội viên liên kết:

Công dân Việt Nam không phải là kiến trúc sư, có trình độ đại học trở lên, hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến kiến trúc, xây dựng, phát triển đô thị và không vi phạm pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, có thể được Ban Chấp hành Hội kết nạp làm hội viên liên kết.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ của Hội, thực hiện **tốt mọi chủ trương**, kế hoạch công tác và hoạt động của Hội. **LuatVietnam**

2. Phần đầu đạt hiệu quả và chất lượng cao trong hoạt động sáng tác kiến trúc, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, quản lý xây dựng.

3. Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị tư tưởng, chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành trách nhiệm công dân, trách nhiệm kiến trúc sư trước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Tuyên truyền, phổ biến những kiến thức và thành tựu kiến trúc xây dựng trong giới kiến trúc sư và Nhân dân.

5. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, tham gia giám sát việc thực hiện Quy tắc ứng xử nghề nghiệp và đạo đức hành nghề của kiến trúc sư theo quy định của pháp luật, bảo vệ danh dự và phẩm chất hội viên Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

6. Giới thiệu kiến trúc sư vào Hội.

7. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

8. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

Điều 12. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin, liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội theo quy định của Hội; được ứng cử và bầu cử các thành viên lãnh đạo Hội theo quy định của Điều lệ Hội; chất vấn hoặc kiến nghị lên Hội những vấn đề xét thấy cần thiết.

5. Thảo luận dân chủ các mặt công tác của Hội.

6. Được yêu cầu và được Hội bảo vệ quyền hành nghề, quyền tác giả và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Theo khả năng của Hội được Hội hỗ trợ về vật chất, tinh thần trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

8. Hội viên khi chuyển công tác hoặc nơi cư trú được Hội giới thiệu chuyển đến nơi sinh hoạt Hội mới.

9. Được rút tên khỏi danh sách hội viên.

10. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

11. Hội viên danh dự, Hội viên liên kết được hưởng quyền, nghĩa vụ như hội viên chính thức, nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề của Hội; không có quyền ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội.

Điều 13. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân:

- Có đơn xin gia nhập Hội (kèm theo ảnh cá nhân) và hồ sơ hành nghề theo quy định của Ban Thường vụ Hội;

- Được Ban Chấp hành Hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức cơ sở Hội giới thiệu.

b) Hội viên tổ chức: tổ chức có đủ điều kiện trở thành hội viên chính thức, muốn gia nhập Hội thì người đại diện của tổ chức phải làm đơn xin gia nhập Hội kèm theo bản sao quyết định thành lập, giấy phép hoạt động gửi Hội.

2. Thẩm quyền kết nạp hội viên chính thức: Ban Thường vụ xem xét, đồng ý và được Chủ tịch Hội ký quyết định kết nạp.

3. Hội viên liên kết, hội viên danh dự có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có đơn xin gia nhập Hội gửi Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định.

4. Thủ tục ra Hội:

Việc xóa tên hội viên do Ban Thường vụ Hội xem xét và phải được Chủ tịch Hội ký quyết định xóa tên với những trường hợp sau:

a) Hội viên có đơn xin ra Hội hoặc có đề nghị của Ban Chấp hành Hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức cơ sở Hội;

b) Hội viên bị mất quyền công dân;

- c) Hội viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, làm mất uy tín, danh dự của Hội;
- d) Hội viên không đóng hội phí 02 năm mà không có lý do chính đáng.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 15. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

2. Đại hội Đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Hội triệu tập và quy định số lượng, cơ cấu đại biểu, phương thức tiến hành.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, đánh giá, báo cáo tình hình kiến trúc ở Việt Nam và các báo cáo hoạt động của Hội nhiệm kỳ qua;

b) Thảo luận, biểu quyết thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ mới;

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ mới;

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội, lời kêu gọi (nếu cần).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

5. Quy định về tổ chức bầu cử:

a) Cơ quan lãnh đạo các Hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là hội viên tổ chức của Hội Kiến trúc sư Việt Nam và tổ chức cơ sở Hội do bầu cử lập ra;

b) Đại biểu đi dự Đại hội được bầu từ các tổ chức cơ sở Hội và hội viên tổ chức của Hội. Các ủy viên Ban Chấp hành Hội đương nhiệm là đại biểu chính thức dự Đại hội, không qua bầu cử từ cơ sở;

c) Đại biểu chỉ định do Ban Chấp hành Hội quyết định nhưng không quá 05% tổng số đại biểu triệu tập. Việc bầu cử phải đảm bảo tính dân chủ, công khai và được tiến hành theo nguyên tắc quá bán.

Điều 16. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Hội do Đại hội quyết định nhưng đảm bảo không ít hơn 1/3 (một phần ba) Ban Chấp hành khóa trước được đề cử để bầu vào Ban Chấp hành nhằm đảm bảo tính kế thừa và liên tục trong hoạt động Hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội. LuatVietnam

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác toàn khóa và hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 10% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Thông qua kế hoạch hợp tác toàn khóa với các tổ chức kiến trúc nước ngoài.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành Hội:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội họp mỗi năm 01 lần do Ban Thường vụ triệu tập. Có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành Hội tham dự. Ban Chấp hành Hội có thể biểu quyết bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban Thường vụ Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định và là số lẻ. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Hội:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành và theo quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

d) Ký kết văn bản hợp tác với nước ngoài theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định và phân công trách nhiệm các ủy viên Ban Thường vụ; ban hành Quy chế kết nạp hội viên danh dự, hội viên liên kết; Quy chế hoạt động của các tổ chức thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ Hội họp thường kỳ 06 tháng 01 lần do Chủ tịch Hội triệu tập, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra của Hội do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Trưởng Ban Kiểm tra là ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại

hội quyết định và là số lẻ. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra phải thông qua Ban Chấp hành và được Chủ tịch Hội ký ban hành. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính của Hội, giúp cho Hội quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy chế, công khai minh bạch, tiết kiệm;

d) Lập báo cáo kiểm tra để báo cáo Ban Chấp hành và Đại hội nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Hội ban hành tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành bằng phiếu kín. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về mọi hoạt động của Hội trước pháp luật, trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, trước cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành Hội; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Chủ tịch Hội chỉ đạo mọi mặt công tác của Hội, là đại diện cao nhất của Hội về mặt pháp lý trong các quan hệ đối nội, đối ngoại;

e) Chủ tịch Hội làm chủ tài khoản của Hội;

g) Chủ tịch Hội làm việc chuyên trách;

h) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ bằng phiếu kín. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội

1. Các tổ chức thuộc Hội do Ban Chấp hành Hội thành lập, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ. Chức năng, nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của các tổ chức này do Ban Thường vụ quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Hội.

2. Các tổ chức thuộc Hội bao gồm:

a) Văn phòng Hội: là tổ chức hành chính tổng hợp giúp việc cho lãnh đạo Hội. Văn phòng Hội có Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng. Khi có nhu cầu, Hội có thể lập Văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật;

b) Các ban chuyên môn: tùy theo nhu cầu, nhiệm vụ, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội và quy định của pháp luật.

c) Tùy theo nhu cầu, nhiệm vụ, Hội có thể thành lập các Hội đồng chuyên môn để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội và quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức trực thuộc Hội, gồm: Chi hội (sau đây gọi là tổ chức cơ sở Hội), Câu lạc bộ Kiến trúc sư, Hội đồng kiến trúc và các tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật, phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 21. Chi hội Kiến trúc sư

1. Các cơ quan, tổ chức kiến trúc sư hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc được thành lập Chi hội Kiến trúc sư khi có từ 10 hội viên trở lên. Chi hội do Chủ tịch quyết định thành lập theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hội.

2. Chi hội Kiến trúc sư hoạt động theo Điều lệ Hội, có nhiệm vụ:

a) Tập hợp, động viên lực lượng kiến trúc sư tại cơ quan, tổ chức làm tốt nghĩa vụ công dân, giúp đỡ nhau bồi dưỡng nghề nghiệp và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tư vấn về chuyên môn;

b) Chi hội hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Hội và theo quy chế hoạt động do Ban Chấp hành Hội ban hành.

3. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đủ điều kiện thành lập Hội Kiến trúc sư cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, được thành lập Chi hội

Kiến trúc sư trực thuộc Hội và hoạt động theo Điều lệ Hội và quy chế do Ban Chấp hành Hội ban hành.

4. Nhiệm kỳ của Chi hội là 05 năm phù hợp với nhiệm kỳ của Hội.

Điều 22. Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và phê duyệt Điều lệ; tự nguyện tham gia hoạt động và tán thành Điều lệ Hội, là hội viên tổ chức của Hội.

2. Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố có nhiệm vụ:

a) Tập hợp, động viên lực lượng kiến trúc sư tại địa phương làm tốt nghĩa vụ công dân, giúp đỡ nhau bồi dưỡng nghề nghiệp và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ;

b) Tư vấn các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động cho Đảng, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật;

c) Giới thiệu đại diện tham gia Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

d) Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố có Điều lệ phù hợp với Điều lệ Hội Kiến trúc sư Việt Nam và theo quy định của pháp luật.

đ) Nhiệm kỳ của Hội Kiến trúc sư tỉnh, thành phố là 05 năm phù hợp với nhiệm kỳ của Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

Điều 23. Câu lạc bộ Kiến trúc sư

1. Câu lạc bộ Kiến trúc sư do Hội thành lập hoặc công nhận, nhằm tập hợp rộng rãi kiến trúc sư ở các lứa tuổi, các lĩnh vực hoạt động vì sự phát triển kiến trúc, nghề nghiệp và phát triển Hội.

2. Quy chế hoạt động các Câu lạc bộ do Ban Thường vụ quy định và được Chủ tịch Hội phê duyệt, ban hành.

Điều 24. Đại hội của tổ chức cơ sở Hội

1. Đại hội toàn thể (hoặc đại biểu) của tổ chức cơ sở Hội 05 năm tổ chức một lần do Ban Chấp hành cơ sở Hội triệu tập.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Kiểm điểm đánh giá các mặt hoạt động công tác của tổ chức cơ sở Hội;

b) Xây dựng phương hướng công tác nhiệm kỳ mới;

c) Quy định số lượng uỷ viên Ban Chấp hành, bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

d) Thảo luận và đóng góp các văn kiện của Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam;

đ) Bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

3. Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội:

a) Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội là cơ quan lãnh đạo của tổ chức cơ sở Hội được Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam chuẩn y; Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các uỷ viên.

b) Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội họp 03 tháng 01 lần.

c) Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội có nhiệm vụ:

- Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết và công tác của Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam và nghị quyết của Đại hội tổ chức cơ sở Hội;
- Tổ chức vận động hội viên và kiến trúc sư thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Chăm lo việc phát triển hội viên mới;
- Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội và quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở Hội;
- Báo cáo lên Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam và trình Đại hội tổ chức cơ sở Hội kết quả thực hiện công tác và phương hướng nhiệm vụ mới.

Điều 25. Hội đồng Kiến trúc

1. Hội đồng Kiến trúc là tổ chức tư vấn về chuyên môn thuộc lĩnh vực kiến trúc - quy hoạch của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành Hội thông qua và được Chủ tịch Hội phê duyệt.

2. Hội đồng Kiến trúc tư vấn cho Ban Chấp hành Hội và Chủ tịch Hội thực hiện nội dung khoản 3, khoản 4 Điều 8 Điều lệ này.

3. Hội đồng Kiến trúc gồm những chuyên gia các ngành thuộc lĩnh vực kiến trúc – quy hoạch được Ban Chấp hành Hội giới thiệu và bầu chọn. Số lượng thành viên Hội đồng Kiến trúc do Ban Chấp hành Hội ấn định. Hội đồng Kiến trúc có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc do Ban Chấp hành Hội bầu trong số uỷ viên Ban Chấp hành. Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc giới thiệu người giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng để các thành viên Hội đồng Kiến trúc bầu chọn.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 26. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 27. Tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở; trang thiết bị văn phòng, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng (nếu có) theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ và do Hội thiết lập, quản lý;

b) Nhà số 40 Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là tài sản công được Nhà nước giao quản lý, sử dụng làm trụ sở Hội.

2. Nguồn tài chính của Hội gồm:

a) Hội phí của hội viên;

b) Tiền do các hoạt động sáng tác, nghiên cứu ứng dụng khoa học, nghệ thuật, sản xuất, tổ chức đào tạo nâng cao cho hội viên và kiến trúc sư, dịch vụ và các hoạt động khác của các tổ chức thuộc Hội đóng góp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;

d) Tiền và hiện vật do các tổ chức và cá nhân trong, ngoài nước ủng hộ theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi phí gồm:

a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội: hội thảo; triển lãm; giải thưởng kiến trúc; các cuộc họp Ban Chấp hành; Ban Thường vụ, các ban chuyên môn; chi hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật; mở lớp bồi dưỡng nghề nghiệp; in ấn tài liệu chuyên môn và các nội dung hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị làm việc;

c) Chi thực hiện chế độ chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Chi hỗ trợ hoạt động sáng tạo của hội viên theo khoản 7 Điều 12 Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành;

e) Trợ cấp khó khăn và phúc lợi cho hội viên;

g) Trả lương và chi phí hành chính cho Văn phòng Hội;

h) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 28. Quản lý tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội thay mặt Ban Chấp hành Hội ký ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ mục đích của Hội.

4. Việc quản lý tài sản, tài chính Hội được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 29. Khen thưởng

1. Các tổ chức của Hội và hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp và công tác Hội được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Các mức khen thưởng theo quy chế của Ban Chấp hành Hội được Hội đồng Thi đua Khen thưởng - Kỷ luật của Hội xem xét, trình Ban Thường vụ quyết định theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Điều lệ Hội.

Điều 30. Kỷ luật

1. Các tổ chức của Hội và hội viên vi phạm Điều lệ, bỏ sinh hoạt, không đóng hội phí không có lý do, vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ nặng nhẹ, phải chịu các hình thức kỷ luật như cảnh cáo, xoá tên, khai trừ hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép hành nghề (đối với cá nhân) và bị cảnh cáo hoặc giải thể (đối với tổ chức).

2. Ban Chấp hành thông qua quy định cụ thể thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 31. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của hội viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan do Ban Kiểm tra của Hội thực hiện theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo phải báo cáo Ban Chấp hành Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 32. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Kiến trúc sư Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Việt Nam gồm 08 Chương, 33 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Kiến trúc sư Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 1276/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2010. 

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội, Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.